

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 3125/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
Xét đề nghị của Công ty TNHH TM Du lịch Daphovina tại Văn bản số 0610/DAP ngày 06/10/2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của “Khách sạn Daphovina” tại số 32 Bắc Sơn, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 476/TTr-STNMT ngày 15.. tháng 11.. năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH TM Du lịch Daphovina, địa chỉ tại số 32 Bắc Sơn (số cũ 47 Bắc Sơn), phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khách sạn Daphovina” tại số 32 Bắc Sơn (số cũ 47 Bắc Sơn), phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: “Khách sạn Daphovina”.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: tại số 32 Bắc Sơn (số cũ 47 Bắc Sơn), phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201742908 do phòng Đăng

ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2017, thay đổi điều chỉnh lần thứ hai ngày 22 tháng 4 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 4201742908.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ lưu động.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 927,8 m² gồm 134 phòng, 20 tầng nổi và 01 tầng hầm.

- Quy mô: cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH TM Du lịch Daphovina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TM Du lịch Daphovina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh

Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty TNHH TM Du lịch Daphovina;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tp Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Hải;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL. 6

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt khu bếp.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt khu nhà WC.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước sau xử lý được thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Bắc Sơn, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, sau đó dẫn ra nước mặt sông Cái Nha Trang ở đoạn hạ lưu thuộc xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Khách sạn Daphovina, tại số 32 Bắc Sơn (số cũ 47 Bắc Sơn), phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X(m) = 1.358.071; Y(m) = 603.284

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số
2.	BOD ₅	mg/l	50		
3.	TSS	mg/l	100		
4.	TDS	mg/l	1.000		
5.	Sunfua	mg/l	04		
6.	Amoni	mg/l	10		

7.	Nitrat	mg/l	50	08/2022/NĐ-CP)	08/2022/NĐ-CP)
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10.	Phosphat	mg/l	10		
11.	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt khu bếp qua bể tách dầu và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt khu nhà WC được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nước thải sinh hoạt khu bếp → Bể tách dầu; Nước thải sinh hoạt khu nhà WC → Bể tự hoại) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động sẽ nhanh chóng khắc phục ngay, các bể xử lý tại các công đoạn đều được tính toán dự phòng. Do vậy, khi hệ thống gặp sự cố nước thải được chứa tạm thời tại các bể xử lý. Khi khắc phục xong sẽ bơm ngược lại xử lý đạt Quy chuẩn trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Tuyển kỹ thuật có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.



- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, bảo trì và vận hành hệ thống đúng hướng dẫn cũng như quy trình.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng các thiết bị để nhanh chóng khôi phục hoạt động.

- Trường hợp mất điện lưới: khi điện lưới mất, sử dụng máy phát điện dự phòng để hệ thống vận hành bình thường.

- Sử dụng 02 bơm (01 hoạt động + 01 dự phòng) luân phiên hoạt động để đề phòng trường hợp bơm bị hư hỏng.

- Trong trường hợp không thể khắc phục các hư hỏng, sự cố xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải, thông báo cho các cơ quan chức năng để được hướng dẫn phương án xử lý kịp thời.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	01	16 01 09
2	Pin, ắc quy thải	02	16 01 12
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	03	18 02 01
	Tổng cộng	06	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Số lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	174.300
	Tổng cộng	174.300

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Số lượng 03 thùng; mỗi thùng rác có thể tích 30 lít, hình tròn inox có nắp với kích thước D250xH61; khối lượng có khả năng lưu chứa khoảng 15 kg/thùng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 03 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: có mái che, bố trí kho, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng sắt có dung tích 660 lít và 2.200 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Không.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.